TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2021/QĐST-HNGĐ	*Ba Bể, ngày 04 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị Th** - sinh năm 1992; Trú tại: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh **Triệu Tiến Đ** - sinh năm 1988; Trú tại: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị Th - sinh năm 1992 và anh Triệu Tiến Đ - sinh năm 1988.

- Đều trú tại: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Th và anh Triệu Tiến Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Triệu Thị Th và anh Triệu Tiến Đ có 02 con chung.

Con chung thứ nhất tên là Triệu Hữu Đ, sinh ngày 05/05/2011, con chung thứ hai tên là Triệu Lệ Th, sinh ngày 02/02/2015, 02 con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị Triệu Thị Th và anh Triệu Tiến Đ thỏa thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn giao cháu Triệu Hữu Đ cho anh Triệu Tiến Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Triệu Lệ Th cho chị Triệu Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hai bên tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Triệu Tiến Đ không trực tiếp nuôi con chung Triệu Lệ Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Triệu Thị Th không trực tiếp nuôi con chung Triệu Hữu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Triệu Thị Th và anh Triệu Tiến Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Triệu Thị Th và anh Triệu Tiến Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Triệu Thị Th phải chịu 75.000^{đ} án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Triệu Tiến Đ phải chịu 75.000^{đ} án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ghi nhận việc chị Triệu Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình với số tiền là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03825 ngày 12/4/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Triệu Thị Th được hoàn lại 150.000^{đ} *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp. Xác nhận chị Triệu Thị Th đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + BBGN; 1;
- VKSND huyện B; 2;
- THADS H. B; 1;
- UBND xã Y;
(Nơi đăng ký kết hôn) 1;
- Các đương sự; 2;
- Lưu HS, VT. 2.

THẨM PHÁN

Phạm Thế Hùng